

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 18/2024/DS-PT
Ngày 18-01-2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Hữu Giàu.

Các Thẩm phán: Bà Ngô Ngọc Phi;
Ông Nguyễn Hoàng Thám.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Bé Thơ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 353/2023/TLPT-DS ngày 08 tháng 12 năm 2023 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 207/2023/DS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 259/2023/QĐ-PT ngày 08 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 373/2023/QĐ-PT ngày 27 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1978; nơi cư trú: Khu V, phường P, quận Ô, Thành phố Cần Thơ (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1949; nơi cư trú: Khóm T, thị trấn T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long (theo văn bản ủy quyền ngày 03/10/2022) (vắng mặt).

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1977; nơi cư trú: Tổ I, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Phước H1, sinh năm 1979; nơi cư trú: Ấp V, xã V, huyện C, tỉnh An Giang (theo văn bản ủy quyền ngày 25/12/2023) (có mặt).

- **Người kháng cáo:** Bà Nguyễn Thị Ngọc T là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T (sau đây gọi tắt là bà T) trình bày:

Bà T với ông Nguyễn Văn T1 (sau đây gọi tắt là ông T1) quen biết nhau. Ông T1 đã hỏi mượn tiền bà T nhiều lần, cụ thể:

Lần 1: Ngày 10/01/2019 bà T trực tiếp cho ông T1 vay số tiền 25.000.000đ.

Lần 2: Ngày 28/02/2019 bà T đưa trực tiếp cho ông T1 vay số tiền 25.000.000đ.

Lần 3: Ngày 18/3/2019 bà T gửi qua đường bưu điện tại Bưu điện phường T, quận B, Thành phố Cần Thơ cho ông T1 vay số tiền 10.000.000đ.

Lần 4: Ngày 21/3/2019 bà T gửi qua đường bưu điện tại Bưu điện phường T, quận B, Thành phố Cần Thơ cho ông T1 vay số tiền 25.000.000đ.

Lần 5: Ngày 01/4/2019 bà T gửi qua đường bưu điện tại Bưu điện phường T, quận B, Thành phố Cần Thơ cho ông T1 vay số tiền 10.000.000đ.

Lần 6: Ngày 04/4/2019 bà T gửi qua đường bưu điện tại Bưu điện phường T, quận B, Thành phố Cần Thơ cho ông T1 vay số tiền 20.000.000đ.

Lần 7: Ngày 10/4/2019 bà T đưa trực tiếp cho ông T1 vay số tiền 30.000.000đ, không có văn bản giao nhận.

Lần 8: Ngày 25/4/2019 bà T đưa trực tiếp cho ông T1 vay số tiền 24.000.000đ, không có văn bản giao nhận.

Lần 9: Ngày 17/5/2019 bà T đưa trực tiếp cho ông T1 vay số tiền 30.000.000đ, không có văn bản giao nhận.

Tổng số tiền bà T đã đưa cho ông T1 là 199.000.000đ, không thỏa thuận lãi suất. Ông T1 nói vay vài ngày sẽ trả nhưng đến nay ông T1 vẫn chưa trả cho bà T. Bà T đã nhiều lần yêu cầu ông T1 trả tiền nhưng ông T1 không trả.

Tại Đơn khởi kiện ngày 14/12/2022, bà T yêu cầu ông T1 phải trả số tiền là 199.000.000đ; phải trả lãi theo lãi suất quá hạn ngân hàng 1,25%/tháng, tính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 01/10/2022, tiền lãi là 112.500.000đ. Tổng cộng tiền gốc và lãi là 311.500.000đ.

Tại Đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung ngày 15/6/2023, bà T yêu cầu ông T1 phải trả số tiền 65.000.000đ đã vay mà bà T đã chuyển tiền cho ông T1 tại Bưu điện T, quận B, Thành phố Cần Thơ, cụ thể: Ngày 01/3/2019 chuyển 10.000.000đ; ngày 21/3/2019 chuyển 25.000.000đ; ngày 01/4/2019 chuyển 10.000.000đ; ngày 04/4/2019 chuyển 20.000.000đ; yêu cầu lãi suất 10%/năm tính từ ngày 04/4/2019 đến ngày Tòa xét xử.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà T yêu cầu ông T1 trả số tiền 65.000.000đ mà bà T đã chuyển tiền cho ông T1 vay qua Bưu điện T, quận B, Thành phố Cần Thơ;

yêu cầu lãi suất 10%/năm tính từ ngày 04/4/2019 đến ngày Tòa xét xử là 28.889.000đ. Tổng số tiền bà T yêu cầu ông T1 trả là 93.889.000đ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông T1 trình bày:

Khi ông T1 đi mua trái cây ở Cần Thơ thì quen bà T. Sau đó, ông đi làm hồ ở S, bà T nói ông về Cần Thơ chơi nhưng ông nói không có tiền nên bà T nói gửi tiền cho ông, mục đích gửi tiền để ông về chơi. Ông không có vay tiền của bà T. Bà T gửi tiền cho ông bao nhiêu, thời gian nào thì ông không nhớ. Số tiền bà T gửi thì ông đã cùng bà T tiêu xài khi ông về chơi.

Bà T nói ông T1 vay số tiền 199.000.000đ thì ông T1 không đồng ý. Ông T1 chỉ có hỏi vay của bà T số tiền 10.000.000đ hoặc 15.000.000đ do bà T gửi qua đường bưu điện cho ông T1 nhưng thời gian nào thì ông T1 không biết.

Nay ông T1 không đồng ý trả cho bà T số tiền 199.000.000đ. Ông T1 chỉ đồng ý trả cho bà T số tiền 15.000.000đ mà ông T1 đã vay.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 207/2023/DS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang đã quyết định: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T yêu cầu ông T1 trả cho bà T số tiền 65.000.000đ và 28.889.000đ tiền lãi. Tổng số tiền là 93.889.000đ.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 03/10/2023, bà T kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết buộc ông T1 trả lại cho bà T số tiền vay 65.000.000đ và yêu cầu tính lãi 10%/năm, tính từ ngày 04/4/2019 đến khi xét xử.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn trình bày: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đồng ý yêu cầu tính lãi suất từ ngày khởi kiện là ngày 07/11/2022 đến khi xét xử sơ thẩm là ngày 18/9/2023 với mức lãi suất 10%/năm.

- Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày: Bị đơn đồng ý với Bản án dân sự sơ thẩm số: 207/2023/DS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Chấp nhận kháng cáo của bà T; sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 207/2023/DS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang: Buộc ông T1 phải có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền vay và lãi, tổng cộng là 70.615.265đ, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của bà T trong hạn luật định và có nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, xét xử theo trình tự phúc thẩm. Bị đơn không có kháng cáo, Viện kiểm sát không có kháng nghị đối với bản án sơ thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bà T, Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án, bà T và ông T1 xác định hai người có quan hệ tình cảm với nhau và hai bên có qua lại tiền bạc với nhau. Theo đơn khởi kiện, bà T trình bày bà T có cho ông T1 vay mượn 09 lần tiền, tổng cộng là 199.000.000đ; trong đó có 04 lần chuyển tiền cho ông T1 vay qua Bưu điện T, quận B, Thành phố Cần Thơ với tổng số tiền 65.000.000đ (cụ thể: Ngày 01/3/2019 chuyển 10.000.000đ; ngày 21/3/2019 chuyển 25.000.000đ; ngày 01/4/2019 chuyển 10.000.000đ; ngày 04/4/2019 chuyển 20.000.000đ) và 05 lần vay còn lại là vay trực tiếp nhưng không làm giấy tờ, không ai biết. Do đó, tại phiên tòa sơ thẩm, bà T rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 134.000.000đ, chỉ yêu cầu ông T1 trả số tiền 65.000.000đ theo 04 biên nhận chuyển tiền và tính lãi chậm trả.

Theo Biên bản lấy lời khai và Biên bản hòa giải cùng ngày 23/3/2023, ông T1 trình bày như sau: *“Hai người quen biết khi mua bán ở Cần Thơ, sau đó ông đi làm hồ ở Sài Gòn, cô T kêu về Cần Thơ chơi thì tôi nói không có tiền, cô T có gửi tiền cho tôi, số tiền bao nhiêu, thời gian nào không nhớ và xác định có hỏi vay cô T 01 lần khoảng 15.000.000đ do cô T gửi qua bưu điện. Tôi đồng ý trả cho cô T 15.000.000đ mà tôi hỏi vay, các lần khác thì cô T gửi cho tôi tiền xe về chơi, nhưng bao nhiêu tiền thì tôi không biết”*.

Theo biên bản về kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 23/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, ông T1 trình bày: *“Người đàn ông nói chuyện trong 02 file bà Thủy cung cấp, giao nộp cho Tòa án trong USB là của ông, người phụ nữ là bà T; 04 biên nhận chuyển tiền bà Thủy cung cấp cho Tòa án thì ông không nhớ có nhận tiền hay không, trường hợp nếu 04 biên nhận chuyển tiền của bà Thủy cung cấp cho Tòa án mà cơ quan phát hành thừa nhận là đúng thì ông đồng ý bà T có gửi tiền cho ông”*.

Hội đồng xét xử nhận thấy trong 04 biên nhận chuyển tiền của Bưu điện T - Cần Thơ đều thể hiện người gửi: Nguyễn Thị Ngọc T và người nhận: Nguyễn Văn T1, nơi nhận tại Khu phố 6, B, Quận B, Hồ Chí Minh phù hợp với lời khai của ông T1 là đi làm thuê (thợ hồ) ở thành phố Hồ Chí Minh. Ông T1 thừa nhận có vay của bà T 15.000.000đ nhận từ Bưu điện T – Cần Thơ, còn các lần khác là bà T gửi tiền xe cho ông về chơi chứ không biết bao nhiêu tiền. Điều này cho thấy 04 biên nhận chuyển tiền của Bưu điện T – Cần Thơ mà nguyên đơn làm căn cứ khởi kiện mặc dù không phải là bản gốc nhưng các thông tin ghi trên biên nhận chuyển tiền rõ ràng, đầy đủ, phù hợp với diễn biến thực tế.

Ông T1 thừa nhận chỉ vay 01 lần là 15.000.000đ, các lần khác bà T gửi tiền xe về chơi, như vậy là ông T1 đã thừa nhận có nhận tiền của bà T nhiều lần phù

hợp với lời trình bày của bà T, nhưng ông T1 không chứng minh được số tiền các lần khác ông nhận là bà T gửi tiền cho ông về chơi.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà T cung cấp 04 bản chính biên nhận chuyển tiền của Bưu điện T – Cần Thơ để chứng minh ông T1 có nhận tổng số tiền 65.000.000đ. Qua xem xét các biên nhận này thì bị đơn đồng ý trả số nợ theo yêu cầu của nguyên đơn.

Về yêu cầu tính lãi: Nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ thời gian khởi kiện là ngày 07/11/2022 đến khi xét xử sơ thẩm ngày 18/9/2023 là 10 tháng 11 ngày, yêu cầu lãi suất 10%/năm là phù hợp với quy định pháp luật. Vậy $65.000.000đ \times 10 \text{ tháng } 11 \text{ ngày} \times 10\%/năm = 5.615.265đ$.

Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bà T rút lại 01 phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 134.000.000đ nhưng cấp sơ thẩm không đình chỉ xét xử đối với phần này là thiếu sót.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà T, sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang: Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà T về yêu cầu ông T1 trả cho bà T số tiền 134.000.000đ; buộc ông T1 có nghĩa vụ trả cho bà T tổng số tiền 70.615.265đ (trong đó, vốn là 65.000.000đ, lãi là 5.615.265đ); ông T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà T không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 và Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Ngọc T.

2. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 207/2023/DS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang:

- Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc T về yêu cầu ông Nguyễn Văn T1 trả số tiền 134.000.000đ (một trăm ba mươi bốn triệu đồng).

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc T. Buộc ông Nguyễn Văn T1 trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc T số tiền vay 65.000.000đ (sáu mươi lăm triệu đồng) và lãi suất 5.615.265đ (năm triệu sáu trăm mười lăm nghìn hai trăm sáu mươi lăm đồng), tổng cộng là 70.615.265đ (bảy mươi triệu sáu trăm mười lăm nghìn hai trăm sáu mươi lăm đồng).

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị Ngọc T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Nguyễn Văn T1 chậm thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện không đầy đủ số tiền phải thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Ngọc T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị Ngọc T được nhận lại 7.788.000đ (bảy triệu bảy trăm tám mươi tám nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0005228 ngày 07/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

Ông Nguyễn Văn T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.531.000đ (ba triệu năm trăm ba mươi một nghìn đồng).

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Ngọc T không phải chịu. Bà Nguyễn Thị Ngọc T được nhận lại 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0015371 ngày 10/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND huyện Châu Phú;
- Chi cục THADS huyện Châu Phú;
- Phòng KTNV&THA tỉnh;
- Tòa Dân sự;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lưu Hữu Giàu